TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/DS-ST
Ngày: 14-8-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Kiều

2. Ông Nguyễn Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2026/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A); địa chỉ trụ sở: Số 02 đường L, phường G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhật T – Giám A - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi địa chỉ: Số 17 Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi (theo Quyết định uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Võ Hữu T – Trưởng phòng Khách hàng A - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi địa chỉ: Số 17 Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi (theo Quyết định uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án (từng lần) số: 405/QĐ-NHNo-ĐP ngày 31/7/2026). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Y, sinh năm 1953 và bà Trần Thị C, sinh năm 1957; cùng địa chỉ cư trú: Thôn M, xã K, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2026, bản tự khai đề ngày 25/5/2026, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng N và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo phương án sử dụng vốn ngày 21/02/2023 của ông Nguyễn Y, bà Trần Thị C, ngày 21/02/2023 Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi và ông Nguyễn Y, bà Trần Thị C ký kết hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202300336, cụ thể:

- Hạn mức cho vay: 200.000.000 đồng;

- Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày 21/02/2023 đến ngày 21/02/2026;

- Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng;

- Thời hạn nhận nợ: 24 tháng kể từ ngày 22/02/2023 đến ngày 22/02/2025;

- Mục đích vay vốn: Mua bò giống;

- Phương thức trả nợ gốc: Bên vay trả nợ gốc vào ngày 22/02/2025, số tiền 100.000.000 đồng;

- Phương thức trả lãi: 03 tháng/lần;

- Lãi suất cho vay là 11,5%/năm (theo giấy nhận nợ số: 4508-LDS-202300430 ngày 22/02/2023); lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 8%/năm tính trên số dư chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ, không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc và lãi vay. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông Y, bà C vẫn không thực hiện nghĩa vụ tra nợ. Ngày 22/11/2024 khoản vay của ông Y, bà C đã chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/8/2026), ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền là: 131.844.144 đồng, trong đó: Nợ gốc 100.000.000 đồng; lãi trong hạn 22.684.932 đồng; lãi quá hạn 8.412.329 đồng; lãi chậm trả 746.883 đồng.

Do ông Nguyễn Y, bà Trần Thị C vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi. Vì vậy, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên.

- Buộc ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202300336 ngày 21/02/2023 cho đến khi ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202300336 ngày 21/02/2023.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C nhưng ông Y, bà C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 14/8/2026 là 131.844.144 đồng, trong đó: Nợ gốc 100.000.000 đồng; lãi trong hạn 22.684.932 đồng; lãi quá hạn 8.412.329 đồng; lãi chậm trả 746.883 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202300336 ngày 21/02/2023 và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số: 4508-LDS-202300430 ngày 22/02/2023.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí hợp lệ nên đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Y và bà Cưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C trả nợ vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C có nơi cư trú tại Thôn M, xã K, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và ý kiến trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Ngày 21/02/2023 ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C ký Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202300336 với Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi, hạn mức cho vay là 200.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng nêu trên được các bên tự nguyện ký kết, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp.

[2.2] Tại báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số: 4508-LDS-202300430 ngày 22/02/2023 thể hiện: Ngày 22/02/2023, Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, Quảng Ngãi đã giải ngân cho ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C nhận số tiền vay 100.000.000 đồng; mục đích vay vốn là mua bò giống; thời hạn vay 24 tháng; lãi suất cho vay là 11,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả là 8%/năm; phương thức trả nợ gốc: Bên vay trả nợ gốc vào ngày 22/02/2025, số tiền 100.000.000 đồng; phương thức trả lãi: 03 tháng/lần.

[2.3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202300336 ngày 21/02/2023 và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số: 4508-LDS-202300430 ngày 22/02/2023. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Y, bà C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/8/2026), ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C chỉ mới trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 17.075.558 đồng, còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền là 131.844.144 đồng, trong đó: Nợ gốc 100.000.000 đồng; lãi trong hạn 22.684.932 đồng; lãi quá hạn 8.412.329 đồng; lãi chậm trả 746.883 đồng.

[2.4] Việc ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N khi đến hạn như đã nêu trên là vi phạm nghĩa vụ đã thoả thuận

tại hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202300336 ngày 21/02/2023 và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số: 4508-LDS-202300430 ngày 22/02/2023, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng N. Do đó, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên và phải tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã thoả thuận tại hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202300336 ngày 21/02/2023 và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số: 4508-LDS-202300430 ngày 22/02/2023, phù hợp với quy định tại các Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, các Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C đều là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí hợp lệ nên căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Y và bà C.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.200.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12, các Điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/8/2026) là 131.844.144 đồng (một trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, một trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

- Lãi trong hạn: 22.684.932 đồng (hai mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng);

- Lãi quá hạn: 8.412.329 đồng (tám triệu, bốn trăm mười hai nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng);

- Lãi chậm trả: 746.883 đồng (bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi ba đồng).

3. Kể từ ngày 15/8/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4508-LAV-202300336 ngày 21/02/2023 và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số: 4508-LDS-202300430 ngày 22/02/2023.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Y và bà Trần Thị C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002435 ngày 29/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV6 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong